TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 400/2023/HCPT
Ngày: 06/6/2023
V/v: Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lệ;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyển;

Ông Nguyễn Phan Nam

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đào Thanh Huyền, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** ÔngLê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 264/2023/TLPT-HC ngày 17 tháng 3 năm 2023 do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2022/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang về việc khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5875/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Trần Thanh H, sinh năm 1944; có mặt.

Địa chỉ: số nhà 10, ngõ 110, ngách 20, đường Nguyễn Hoàng T, quận S, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thanh H theo văn bản ủy quyền ngày 23/9/2021: ông Trần Đa S, sinh năm: 1957; Địa chỉ: số 509 - D4 tập thể G, B, H; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Thanh H: Ông Dương Ngọc T - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Đình H - Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Y, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Viết Toàn - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y là đại diện theo pháp luật;

Người đại diện theo quyết định ủy quyền số 600/QĐ-UBND ngày 09/02/2021: Ông Nguyễn Thế E - Phó Chủ tịch UBND huyện Y; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm Tân L, xã Tân T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

3.2. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1942; có mặt.

Địa chỉ: số nhà 77, ngõ 10, đường Nguyễn C, phường Ngô Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;

3.3. Bà Trần Thị P, sinh năm 1938; vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm T, xã S, thị xã R, tỉnh D;

3.4. Ông Trần Nhật L, sinh năm 1947; vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm Tân L, xã I, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

3.5. Ông Trần Đa S, sinh năm 1957; có mặt.

Địa chỉ: số 509-D4, tập thể G, quận B, thành phố Hà Nội.

3.6. Anh Trần Quang V, sinh năm: 1978; vắng mặt.

3.7. Anh Trần Quang B, sinh năm: 1980; vắng mặt.

3.8. Chị Trần Thị Ngọc K, sinh năm: 1983; vắng mặt.

Đều cùng địa chỉ: Thôn Mai H, xã Mai L, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.

3.9. Ủy ban nhân dân xã I, huyện Y do bà Phạm Kim F đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 10/6/2021; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện ông Trần Thanh H trình bày:

Mẹ đẻ ông Trần Thanh H là cụ Ngô Thị K, bố đẻ ông là cụ Trần Trọng Đ, hai cụ sinh được 05 người con là: Trần Nhật T, sinh năm: 1936 (chết năm 2001), Trần Thị P, sinh năm: 1938, Trần Thanh H, sinh năm: 1944, Trần Nhật L, sinh năm: 1947, Trần Đa S, sinh năm: 1957. Từ năm 1954 hai cụ đều cùng cư trú tại thửa đất số 2193, diện tích 1.320m^2 (thửa đất này được trích lục từ bản đồ của xã năm 2020 là số thửa đất số 466, diện tích 1685m^2, loại đất: Đất ở nông thôn). Trên đất có tài sản của vợ chồng ông Trần Nhật L, bà Nguyễn Thị N gồm có: 01 ngôi nhà 05 gian lợp ngói, 03 gian nhà bếp lợp ngói, 01 dãy công trình phụ gồm: Công trình chăn nuôi, nhà kho chứa vật liệu làm nông nghiệp; tài sản khác là các cây cối gắn liền với đất, địa chỉ tại thôn Tân L, xã I, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Năm 1983 cụ Ngô Thị K chết, năm 1988 cụ Trần Trọng Đ chết.

Ngày 18/11/2019, nhân ngày giỗ cụ Trần Trọng Đ, các ông bà là con cụ Trần Trọng Đ, cụ Ngô Thị K họp bàn việc xây nhà thờ trên nền nhà cũ các cụ để lại nhưng ông Trần Nhật L không hợp tác, ông tự tìm hiểu và được biết thửa

đất số 466, diện tích 1320m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên bà Nguyễn Thị N (vợ ông Trần Nhật L) theo Quyết định số 58/QĐ- CT ngày 28/12/2000.

Vì cụ Trần Trọng Đ, cụ Ngô Thị K chết không để lại di chúc, không ủy quyền cho ai, anh em ruột của các ông bà không ủy quyền cho ai làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND huyện Y đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N. Ông khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang hủy Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 28/12/2000 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế là con đẻ của cụ Trần Trọng Đ, cụ Ngô Thị K theo quy định của pháp luật.

Tài sản là nhà ở, công trình phụ, cây lâu năm trồng trên đất của cụ Ngô Thị K, cụ Trần Trọng Đ, ông Trần Nhật L, bà Nguyễn Thị N đã tháo dỡ, khai thác hết, đến nay không còn, ông không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản số: 595/UBND- TNMTr ngày 16/4/2021, đại diện UBND huyện Y do ông Nguyễn Thế Huy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y đại diện theo ủy quyền bày:

Nguồn gốc thửa đất được cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N năm 2000 là cụ Trần Trọng Đ, cụ Ngô Thị K, ông Trần Nhật L ở cùng bố mẹ từ nhỏ, khi ông Trần Nhật L lấy bà Nguyễn Thị N (vợ chồng ông Trần Nhật L), bà Nguyễn Thị N vẫn ở chung với cụ Trần Trọng Đ, cụ Ngô Thị K. Năm 1983 cụ Ngô Thị K chết, năm 1988 cụ Trần Trọng Đ chết. Vợ chồng ông Trần Nhật L, bà Nguyễn Thị N vẫn tiếp tục sinh sống trên thửa đất trên. Đến ngày 20/9/1993, hộ bà Nguyễn Thị N được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, trong đó có thửa đất thổ cư diện tích 1.320m^2.

Năm 2000 bà Nguyễn Thị N thực hiện việc kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền đối với 1.320m^2 đất thổ cư. Ngày 28/12/2000, hộ bà Nguyễn Thị N được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.320m^2 đất thổ cư, thửa đất tự khai, tờ bản đồ tự khai (không có số tờ, số thửa).

Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị N, quan điểm của UBND huyện Y về việc khởi kiện của ông Trần Thanh H: Kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N cũng như các trường hợp khác tại xã I tại Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 28/12/2000 được thực hiện đúng theo quy định của Luật đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998, Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC, ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính về việc hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác bà Nguyễn Thị N sử dụng thửa đất trên liên tục ổn định trên diện tích 1.320m^2 đất thổ cư tại thôn Tân L, xã I từ trước đến năm 1993, hộ bà Nguyễn Thị N đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư diện tích 1.320m^2. Theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 50, Luật đất đai năm 2003 và điểm b, khoản 1, Điều 100, Luật đất đai năm 2013 thì hộ bà Nguyễn Thị N đủ điều kiện để Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư diện tích 1,320m^2.

Do vậy việc ông Trần Thanh H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị N là không có cơ sở.

Ủy ban nhân dân xã I trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 1320m^2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị N có nguồn gốc là của cụ Trần Trọng Đ, ông Trần Nhật L ở với cụ Trần Trọng Đ từ nhỏ, từ khi bà Nguyễn Thị N kết hôn với ông Trần Nhật L về làm dâu cụ Trần Trọng Đ vợ chồng bà Nguyễn Thị N ở chung với với cụ Trần Trọng Đ, cụ Ngô Thị K từ khi kết hôn đến nay. Năm 2000 bà Nguyễn Thị N kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất diện tích 1.320m^2, ngày 28/12/2000 bà Nguyễn Thị N được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 1.320m^2 đất thổ cư, thửa đất tự khai, tờ bản đồ tự khai.

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị N đang lưu tại Ủy ban nhân dân xã I có: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/8/2000 đối với diện tích 1320m^2 đất thổ cư, sổ địa chính xã I tại trang 48 ghi chủ sử dụng tên bà Nguyễn Thị N được sử dụng 1320m^2, mục đích sử dụng: Đất ở 360m^2, đất vườn 960m^2.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã I đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H: Việc thiết lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị N được thiết lập theo trình tự thủ tục tại thời điểm năm 2000.

Tại văn bản ngày 13/8/2022, bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà sinh sống cùng ông Trần Nhật L sử dụng thửa đất 1.320m^2 tại thôn Tân L, xã I liên tục gần 50 năm, đã được Nhà nước công nhận hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật, hàng năm gia đình bà đều góp đầy đủ các khoản bắt buộc và không bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật. Năm 2000 bà được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 1.320m^2 đất thổ cư (360m^2 đất ở, 960m^2 đất vườn). Ông Trần Thanh H khởi kiện là không có căn cứ.

Ông Trần Đa S trình bày: Hoàn toàn đồng ý với ý kiến của ông Trần Thanh H, không thay đổi bổ sung gì thêm.

Bà Ngô Thị L, bà Trần Thị P đều trình bày: Nguồn gốc thửa đất bà Nguyễn Thị N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 1.320m^2 là của cụ Trần Trọng Đ, cụ Ngô Thị K để lại, Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N bà không đồng ý, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2022/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Y đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N ngày 28/12/2000 được quyền sử dụng 1.320m^2 đất tại Thôn Tân L, xã I, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền

kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/8/2022, ông Trần Thanh H có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Thanh H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa, các ông bà có mặt đã thừa nhận sau khi cụ Ngô Thị K và cụ Trần Trọng Đ chết, họ không thường xuyên về thăm gia đình nên không biết rõ thời điểm ông Trần Nhật L, bà Nguyễn Thị N phá nhà cũ, chặt cây cối của bố mẹ tạo lập để làm nhà mới. Bà Ngô Thị L (vợ ông Trần Nhật T) xác định thời điểm ông Trần Nhật L, bà Nguyễn Thị N phá nhà cũ của bố mẹ để xây nhà cấp 4 là năm 1989. Như vậy, từ năm 1989 tài sản là nhà ở của cụ Ngô Thị K, cụ Trần Trọng Đ không còn mà ông Trần Nhật L, bà Nguyễn Thị N làm nhà mới và quản lý, sử dụng diện tích đất ở do bố, mẹ để lại. Các ông bà là con của cụ Ngô Thị K và cụ Trần Trọng Đ cũng đều thừa nhận hiện đang sinh sống tại nơi khác và hàng năm chỉ về cúng giỗ tại gia đình anh cả là ông Trần Nhật T, bà Ngô Thị L.

Do bà Nguyễn Thị N, ông Trần Nhật L đã sử dụng diện tích đất nói trên liên tục, ổn định, đúng mục đích từ năm 1989 đến năm 2020 là hơn 30 năm, ông Trần Nhật L có tên trong sổ thuế và sổ địa chính xã, nộp thuế sử dụng đất hàng năm, đã được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ (tạm thời) năm 1993 và GCNQSDĐ năm 2000 tới khi ông Hoài khởi kiện mà không có ai tranh chấp, khiếu nại. Việc thực hiện các thủ tục cấp GCNQSDĐ có sai sót được đại diện UBND huyện Y trình bày tại phiên tòa này là do chỉ đạo của cấp trên để bảo đảm tiến độ cấp GCNQSDĐ theo Chỉ thị của Chính phủ là không có căn cứ chấp nhận vì thời điểm đó thửa đất này là di sản thừa kế chưa chia thuộc sở hữu chung của các đồng thừa kế nhưng UBND không thực hiện lấy ý kiến các đồng thừa kế là chưa đảm bảo theo trình tự quy định. Tuy nhiên, tới thời điểm này thì việc giải quyết quyền lợi về tài sản là di sản thừa kế của cụ Ngô Thị K và cụ Trần Trọng Đ là không còn thời hiệu theo quy định của Bộ luật dân sự năm 1993 và 2013, Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990, Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, Công văn số 01/GĐ-TANDTC giải đáp một số vướng mắc về nghiệp vụ trong đó có vấn đề về thời hiệu khởi kiện di sản thừa kế là bất động sản, việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho bà Nguyễn Thị N từ năm 2000 với lý do để các đồng thừa kế của cụ Ngô Thị K và cụ Trần Trọng Đ chia di sản thừa kế chưa chia đảm

bảo quyền lợi của họ là đã hết thời hiệu. Việc hủy GCNQSDĐ cấp cho bà Nguyễn Thị N không có ý nghĩa thay đổi quyền sử dụng đất của các đương sự. Bản án số 16/2022/HC-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang là phù hợp với thực trạng quản lý, sử dụng đất của gia đình bà Nguyễn Thị N, ông Trần Nhật L, cần được chấp nhận.

Tại phiên tòa này, ông Trần Thanh H không cung cấp được chứng cứ tài liệu khác chứng minh yêu cầu của mình. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trần Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 28/12/2000 của UBND huyện Y về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N. Đây là quyết định hành chính được ban hành trong quá trình thực hiện quản lý Nhà nước về lĩnh vực quản lý đất đai. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 18/11/2019, ông Trần Thanh H biết việc bà Nguyễn Thị N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 02/11/2020, ông Trần Thanh H có đơn khởi kiện là đúng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 28/12/2000 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị N:

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật đất đai năm 1993 thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân. Do đó Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 28/12/2000 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị N là không đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND huyện Y là người đứng đầu UBND huyện Y nên sai sót về thẩm quyền này là không nghiêm trọng và không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2.2]. Về trình tự, thủ tục ban hành:

Ngày 20/9/1993, bà Nguyễn Thị N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời, trong đó có thửa đất thổ cư diện tích 1.320m^2.

Ngày 16/8/2000, bà Nguyễn Thị N có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.320m^2 có xác nhận của trưởng thôn Tân L và UBND xã I, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 25/11/2000, Hội đồng đăng ký đất lập biên bản xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 2424 hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện.

Sau khi có biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất, UBND xã I ban hành Thông báo số 15/TB-UB về việc công khai hồ sơ đăng ký đất. Ngày 11/12/2000 ban hành Thông báo số 16/TB/UB về việc kết thúc công khai hồ sơ đăng ký đất, trong thời gian niêm yết công khai không có cá nhân, tổ chức nào có ý kiến gì.

Ngày 22/12/2000, UBND xã I ban hành Tờ trình số 18/TT/UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giải quyết các trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 25/12/2000, Phòng địa chính huyện Y ban hành Tờ trình số 98/TT-ĐT về việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã I.

Ngày 28/12/2000 Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 58/QĐ-CT về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư xã I, cấp 1749 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư cho các chủ sử dụng đất và hộ gia đình, trong danh sách kèm theo có tên bà Nguyễn Thị N được cấp 1.320m^2 đất trong đó có 360m^2 đất ở và 960m^2 đất vườn.

Về nguồn gốc thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các đương sự đều thừa nhận là đất của cụ Trần Trọng Đ và cụ Ngô Thị K. Năm 1983 cụ Ngô Thị K chết, năm 1988 cụ Trần Trọng Đ chết, hai cụ không để lại di chúc. Như vậy, thời điểm hộ bà Nguyễn Thị N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là năm 2000, áp dụng theo quy định tại Điều 738 Luật đất đai năm 1993 thì quyền sử dụng đất là di sản thừa kế chưa chia thuộc sở hữu chung của các đồng thừa kế. UBND không thực hiện lấy ý kiến các đồng thừa kế mà đã cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Nguyễn Thị N là chưa đảm bảo về trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

[2.3]. Về căn cứ ban hành:

Mặc dù nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ ông Trần Thanh H nhưng các anh chị em ông Trần Thanh H đều đã biết và để cho bà Nguyễn Thị N, ông Trần Nhật L sinh sống trên đất đó. Theo Biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2011, ông Trần Thanh H và ông Trần Đa S trình bày: Quá trình sinh sống với bố mẹ các ông, khoảng năm 1985 ông Trần Nhật L, bà Nguyễn Thị N có xây 01 nhà cấp 04 trên đất, hiện nay nhà cấp 04 này vẫn còn. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày: Sau khi cụ Ngô Thị K và cụ Trần Trọng Đ chết, các anh chị em ông Trần Thanh H không thường xuyên về thăm gia đình nên không biết rõ thời

điểm ông Trần Nhật L, bà Nguyễn Thị N phá nhà cũ để làm nhà mới. Bà Ngô Thị L là chị dâu cả (vợ ông Trần Nhật T) xác định thời điểm ông Trần Nhật L, bà Nguyễn Thị N phá nhà cũ của bố mẹ để xây nhà cấp 4 là năm 1989. Như vậy, có căn cứ xác định từ trước năm 1989 tài sản là nhà ở của cụ Ngô Thị K, cụ Trần Trọng Đ không còn mà ông Trần Nhật L, bà Nguyễn Thị N đã làm nhà mới và quản lý, sử dụng diện tích đất ở do bố, mẹ để lại. Từ năm 1989, gia đình bà Nguyễn Thị N đã sử dụng đất ổn định, không ai tranh chấp, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước, năm 1993 được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ tạm thời, năm 2000 làm thủ tục và được cấp GCNQSDĐ.

Mặt khác, cụ Ngô Thị K chết năm 1983, cụ Trần Trọng Đ chết năm 1988 không để lại di chúc, đến thời điểm hiện nay là đã hết thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, việc hủy GCNQSDĐ cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N không có ý nghĩa thay đổi quyền sử dụng đất của các đương sự. Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2022/HC-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H là phù hợp với thực trạng quản lý, sử dụng đất của gia đình bà Nguyễn Thị N, ông Trần Nhật L.

Cho nên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh H.

[3]. Về án phí:

Ông Trần Thanh H là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông Trần Thanh H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2022/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Thanh H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Lệ